

Bản án số: 810/2023/HS-PT
Ngày: 18/10/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Chu Thành Quang;
Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Quang Huy - *Kiểm sát viên* cao cấp.

Ngày 18 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 797/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị N (Tên gọi khác: Juan S) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Nguyễn Thị N**; tên gọi khác: **J1**; giới tính: Nữ; sinh ngày 24/9/1986, tại tỉnh Hậu Giang; nơi thường trú: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông Nguyễn Văn T và con bà Nguyễn Thị K (đã chết); A, chị, em ruột: Có 7 người (bị cáo là con thứ sáu trong gia đình); Chồng: Vương Chấn K1, sinh năm 1982; Quốc tịch: Đài Loan; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/7/2022, bị khởi tố bị can và chuyển tạm giam từ ngày 15/7/2022 tại Trại tạm giam Công an tỉnh H cho đến nay.

** Người bào chữa cho bị cáo: ông Trần Đức Đ- V3, thuộc Đoàn luật sư tỉnh H.*

** Người bị hại có kháng cáo:*

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: chị Lê Thị Ngân T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Anh Lê Văn B, sinh năm 1990. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh B là chị Nguyễn Thị V- 1993. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

Ngoài ra trong vụ án còn 01 bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2022, Trần Bá H1 (sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố K, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh) sử dụng tên giả là Phan Văn N1 (sinh năm 1984, trú tại xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An) và tài khoản Facebook “Nam Soaica” kết bạn, làm quen với Nguyễn Thị N qua tài khoản Facebook “Ngọc Nhiên”. Thời điểm này N đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Khoảng cuối tháng 6/2022, Nguyễn Thị N thông báo với Nguyễn Văn N2 (tức Trần Bá H1) là N đang làm hộ chiếu chuẩn bị về Việt Nam thăm gia đình. Trần Bá H1 trao đổi với N “Có thửa đất số 105, tờ bản đồ số 54, thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh của chị Ngô Thanh T2 rao bán nhưng chị T2 đi làm ăn xa, không có ở địa phương, N về thì mạo danh chị T2 lừa bán đất”, N đồng ý. Trần Bá H1 yêu cầu Nguyễn Thị N chụp ảnh chân dung của N gửi qua facebook “ Nam Soaica” để H1 làm chứng minh nhân dân giả mang tên Ngô Thanh T2, N đồng ý chụp và gửi ảnh cho H1. Ngày 02/7/2022, Nguyễn Thị N nhập cảnh về Việt Nam qua sân bay T sử dụng tên Juan Shih J (sinh ngày 24/9/1986, Quốc tịch: Trung Quốc - Đài Loan, số hộ chiếu 360325572 do Đài Loan cấp). Sau đó N đi máy bay

về thành phố V, tỉnh Nghệ An và được Trần Bá H1 đón. H1 đưa cho Nguyễn Thị N sim điện thoại số 0795611756 không đăng ký chính chủ và tạo tài khoản Z “Thanh Thủy” để N sử dụng cho phù hợp với tên giả Ngô Thanh T2. Từ ngày 04/7/2022 đến ngày 06/7/2022, Nguyễn Thị N cùng với Trần Bá H1 sử dụng tên giả, giấy tờ giả và đưa ra thông tin gian dối về việc mua bán đất, yêu cầu giao nộp tiền đặt cọc để lừa đảo chiếm đoạt số tiền **620.000.000 đồng** của 03 bị hại trên địa bàn Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn L:

Trần Bá H1 sử dụng tài khoản Facebook “Nam Soaica” đăng tin bán thửa đất số 837, tờ bản đồ số 3, thuộc thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (*Thửa đất này thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh Hồ Thế S (sinh năm 1969) và chị Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1977) đều trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh*) nên ngày 29/6/2022, anh Nguyễn Văn Đ1 (sinh năm 1986, trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) nhận tin hỏi mua và Trần Bá H1 giới thiệu tên là Phan Văn N1 (sinh năm 1984, trú tại xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An) là Công an đang công tác tại thành phố Hồ Chí Minh do cần tiền nên rao bán thửa đất trên với giá 1.900.000.000 đồng, bìa đất mang tên Phan Văn N1 đang thế chấp tại ngân hàng, nếu mua thì đặt cọc trước 400.000.000 đồng, sau 15 ngày sẽ làm thủ tục sang tên. Đồng thời, H1 gửi hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 837, tờ bản đồ số 3, thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh mang tên Phan Văn N1, sinh năm 1984, trú tại xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An cho Nguyễn Văn Đ1 xem. Do không đủ tiền mua nên anh Đ1 đã giới thiệu cho anh Nguyễn Văn L (sinh năm 1971, trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) và anh L đồng ý để mua. Ngày 03/7/2022, Trần Bá H1 và Nguyễn Văn L đã thống nhất giá mua bán thửa đất là 1.900.000.000 đồng, đặt cọc trước 300.000.000 đồng. Để tránh sự phát hiện của người khác, Trần Bá H1 lấy lý do bận công việc không về được nên vợ H1 tên là T2, số điện thoại 0795611756 sẽ trực tiếp đến gặp anh L và anh Đ1 để lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất.

Khoảng 09 giờ ngày 04/7/2022, Trần Bá H1 đến nhà nghỉ gặp Nguyễn Thị N trao đổi việc lừa bán thửa đất nói trên và bảo N đóng vai Ngô Thanh T2, giả làm

vợ H1 đi gặp anh Đ1 và anh L ký hợp đồng, nhận tiền đặt cọc, N đồng ý. Trần Bá H1 đưa Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Ngô Thanh T2, dán ảnh của N đã làm trước đó cho N cầm theo đi ký hợp đồng. Sau đó, H1 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Vios, màu bạc, biển kiểm soát 37V-3250 (xe của ông Trần C là bố Trần Bá H2) chở Nguyễn Thị N từ thành phố H vào huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Trên đường đi, Nguyễn Thị N sử dụng tài khoản Zalo “Thanh Thủy”, đóng giả là vợ H2 nhắn tin nói chuyện với anh Đ1 trao đổi việc mua bán thửa đất và gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 837, tờ bản đồ số 3, thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh mang tên Phan Văn N1 cho anh Đ1. Khi vào K, Trần Bá H1 đưa Nguyễn Thị N đi xem thực tế thửa đất và chở N đến điểm hẹn, rồi N đi bộ đến gặp anh Đ1 và anh L để giao dịch mua bán đất. Sau đó, N đưa anh Đ1 cùng anh L đi xem đất và anh L đồng ý mua, hẹn đến quán cà phê Toàn Tâm V1 (tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh) để ký hợp đồng, đặt cọc. Lúc này, Nguyễn Thị N quay lại vị trí xe ô tô của H1 để H1 chở N đến quán cà phê. Khi đến quán, N vào một mình, còn H1 điều khiển xe ô tô đi chỗ khác để tránh sự phát hiện. Tại quán cà phê, Nguyễn Thị N đưa hình ảnh Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Ngô Thanh T2 trên điện thoại của N cho anh Đ1, anh L xem và ghi vào hợp đồng, sau khi xem thấy ảnh trong Giấy chứng minh nhân dân là của N nên anh L tin tưởng ký hợp đồng và nộp tiền đặt cọc. Lúc này anh L xin số tài khoản để chuyển tiền, N đã nhắn tin hỏi thì H1 yêu cầu nhận tiền mặt và đưa ra lý do lừa anh Đ1, anh L là do H1 làm Công an nhận nhiều tiền qua tài khoản sợ bị kiểm tra. Sau đó cả ba người (N, anh Đ1 và anh L) lên xe ô tô của anh L đi đến ngân hàng V4 chi nhánh K2, Hà Tĩnh để anh L rút tiền và giao nộp tiền đặt cọc cho N là 300.000.000 đồng. Giao nhận xong tiền, anh L và anh Đ1 chở N quay lại quán cà phê Toàn Tâm V1, N xuống xe và gọi H1 đến đón về thành phố H. N đưa lại toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng cho H1 và được H1 chia cho 60.000.000 đồng, N sử dụng mua vàng tại tiệm V5, số A đường N, thành phố H hết 39.600.000 đồng, còn lại chi tiêu cá nhân. Như vậy, Nguyễn Thị N và Trần Bá H1 đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 300.00.000 đồng của anh Nguyễn Văn L.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của anh Lê Văn B

Trần Bá H1 sử dụng tài khoản Facebook “Nam Soaica” đăng tin bán thửa đất số 105, tờ bản đồ số 54, thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (*thửa đất mang tên anh Nguyễn Văn D (sinh năm 1987) và chị Nguyễn Thị Ngọc H3 (sinh năm 1988), trú tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh*). Ngày 29/6/2022, anh Lê Văn B nhắn tin trao đổi và đồng ý mua thửa đất nói trên với giá 1.250.000.000 đồng. Đến ngày 01/7/2022, Trần Bá H1 nói với anh B chờ ít ngày chị Ngô Thanh T2 là vợ H1 sẽ đến gặp ký hợp đồng. Chiều ngày 04/7/2022, Trần Bá H1 trao đổi với Nguyễn Thị N về việc lừa anh Lê Văn B đồng ý mua thửa đất nêu trên và bảo N cầm theo giấy chứng minh nhân dân giả, sử dụng tên Ngô Thanh T2, đồng thời đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Ngô Thanh T2 (*không thu giữ được bản gốc*) đóng vai chủ đất để đi ký hợp đồng, nhận tiền đặt cọc, N đồng ý. Trần Bá H1 điều khiển xe ô tô (chưa xác định được thông tin cụ thể của xe) chở N từ thành phố H đến vị trí thửa đất tại thôn T, xã T, huyện C xem thực tế trước. Sau đó, chở Nguyễn Thị N quay lại thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh gặp anh B và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Ngô Thanh T2 cho anh B xem. Tuy nhiên, nhằm tránh sự phát hiện của người khác, Trần Bá H1 bảo N đón tắc xi một mình đến gặp anh B. Sau khi gặp anh B, Nguyễn Thị N dẫn anh B đi xem đất và anh B đồng ý mua nhưng yêu cầu phải có người thứ ba chứng kiến mới ký hợp đồng, giao tiền. Do không tìm được người chứng kiến nên ra về. Đến trưa ngày 05/7/2022, Trần Bá H1 đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Ngô Thanh T2 và cung cấp cho Nguyễn Thị N số điện thoại người làm ở Văn phòng bất động sản tại thị trấn N (N không biết họ tên) để gọi điện nhờ chứng kiến việc mua bán đất, người chứng kiến đồng ý. Sau đó, Nguyễn Thị N gọi điện thoại thông báo cho anh B, hẹn đầu giờ chiều đến Văn phòng bất động sản ký hợp đồng. Khoảng hơn 13h ngày 05/7/2022, Nguyễn Thị N vào Văn phòng bất động sản gặp người chứng kiến trước. Tuy nhiên, khi xem bìa đất và chứng minh nhân dân mang tên Ngô Thanh T2 thì người chứng kiến không đồng ý chứng kiến vì nghi ngờ giấy tờ không rõ ràng. Lúc này, Nguyễn Thị N sợ bị phát hiện sử dụng chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên bảo H1 đến đón đưa về thành phố H. Trên đường đi Nguyễn Thị N nhận được điện thoại của anh Lê Văn B thông báo anh B đã đến Văn phòng bất động sản thì N nói dối là người chứng kiến đợi

lâu, bận việc nên đi rồi, giờ không có ai chứng kiến nên N đã về. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, anh B gọi điện cho N thông báo đã tìm được người chứng kiến, hẹn N đến ký hợp đồng. Trần Bá H1 tiếp tục chở Nguyễn Thị N đến xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh gặp anh B. Để tránh sự phát hiện của người khác, Trần Bá H1 bảo Nguyễn Thị N xuống xe đi bộ một mình đến gặp anh B. Sau đó, Nguyễn Thị N gặp anh B tại quán nước ven đường, tại đây có chị Nguyễn Thị V (vợ anh B) và anh Võ Văn N3 (sinh năm 1983, trú tại xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh) là người chứng kiến. Sau khi ký hợp đồng xong anh B đưa cho N 100.000.000 đồng tiền mặt và chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 18123456789555 tại ngân hàng M1 mang tên Ngô Thanh T2 (do Trần Bá H1 quản lý, sử dụng). Giao nhận tiền xong, Nguyễn Thị N gọi Trần Bá H1 đến đón, trên đường về N đưa cho H1 100.000.000 đồng. Trần Bá H1 chở Nguyễn Thị N đến tiệm V6, tại số G đường N, phường N, thành phố H để đổi tiền Việt Nam đồng lấy USD. Tại đây, Trần Bá H1 sử dụng tài khoản số 18123456789555 mở tại ngân hàng M1 mang tên Ngô Thanh T2 chuyển vào tài khoản của chị Bùi Thị Kim A (sinh năm 1973, trú tại tổ A, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) là nhân viên giao dịch của tiệm vàng số tiền 48.000.000 đồng để đổi lấy 2.000 USD và khoảng hơn 100.000 đồng đưa cho N sử dụng. Như vậy, Nguyễn Thị N và Trần Bá H1 đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.00.000 đồng của anh Lê Văn B.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng của anh Bùi Văn V2 (sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh):

Trần Bá H1 sử dụng tài khoản Facebook “N” đăng tin rao bán thửa đất số 105, tờ bản đồ số 54, thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (*thửa đất mang tên anh Nguyễn Văn D (sinh năm 1987) và chị Nguyễn Thị Ngọc H3 (sinh năm 1988), trú tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh*). Ngày 05/7/2022, anh Bùi Văn V2 nhắn tin trao đổi và thống nhất mua thửa đất với giá 1.300.000.000 đồng và đặt cọc trước 200.000.000 đồng. H1 nói với anh V2 là chủ đất sẽ chủ động liên lạc lại với anh V2 để ký hợp đồng. Sau đó, Trần Bá H1 trao đổi cho Nguyễn Thị N biết việc lừa anh Bùi Văn V2 đồng ý mua thửa đất và bảo N mạo danh tên Ngô Thanh T2, đồng thời đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Ngô Thanh T2 (*không*

thu giữ được bản gốc) đòi với thửa đất này cho N để đi ký hợp đồng, nhận tiền đặt cọc

. Cùng ngày, H1 điều khiển xe ô tô (chưa xác định được thông tin cụ thể của xe) chở N từ thành phố H đến thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau đó, N gọi taxi đi một mình đến gặp anh V2 để dẫn anh V2 đi xem đất. Sau khi xem thực tế vị trí thửa đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Thanh T2 thấy thông tin trùng khớp nên anh V2 tin tưởng đồng ý mua. Tuy nhiên, anh V2 chỉ đồng ý đặt cọc 50.000.000 đồng nên N nhắn tin hỏi H1 thì H1 yêu cầu đặt cọc ít nhất 200.000.000 đồng. Do anh V2 không đủ tiền để đặt cọc nên giao dịch không thành công, N ra về.

Đến sáng ngày 06/7/2022, anh Bùi Văn V2 nhắn tin cho Nguyễn Thị N về việc đồng ý đặt cọc 200.000.000 đồng và hẹn N đến quán cà phê L1 ở thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh ký hợp đồng đặt cọc, N trao đổi lại với H1. Sau đó, Trần Bá H1 thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Wigo, màu đỏ, biển kiểm soát 38A-254.95 của anh Trần Hậu Đ2 (sinh năm 1989, trú tại khối phố D, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh) chở N đến thị trấn N. Khi đến thị trấn N, Trần Bá H1 bảo N xuống xe trước cửa tiệm V7 ở thị trấn N để anh V2 đến đón. Sau đó, anh V2 đón N đến quán cà phê L1 thuộc tổ F, T hợp đồng đặt cọc và giao 120.000.000 đồng tiền mặt, còn 80.000.000 đồng thì anh V2 bảo N chờ người nhà mang đến. Lúc này, tổ công tác Công an huyện C đến lập biên bản và yêu cầu Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn V2 về trụ sở cơ quan làm việc. Còn Trần Bá H1 đã bỏ trốn. Như vậy, Nguyễn Thị N và Trần Bá H1 đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 120.00.000 đồng của anh Bùi Văn V2. (Bút lục 01-02; 258-382; 420-435).

- *Tại bản Kết luận số 255/KL-KTHS ngày 16/02/2023 của Phòng K3 Công an H, kết luận:* Chữ viết, chữ ký đề tên Trần Bá H1 dưới mục “Đại diện bên B (người thuê)” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (Hợp đồng thuê xe tự lái do Trần Hậu Đ2 cung cấp) so với chữ viết, chữ ký của Trần Bá H1 trên mẫu so sánh ký hiệu M (tờ khai đăng ký khai sinh do H1 viết) là do cùng một người viết và ký ra.

- *Tại bản kết luận số 1063/KL-KTHS ngày 02/12/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh H kết luận:* Chữ ký đứng tên Thiếu tướng Nguyễn Chí T4 trên chứng minh

nhân dân mang tên Ngô Thanh T2 không phải là chữ ký trực tiếp; Hình dấu đỏ nội dung “Cộng hòa X, Công an T5” trên chứng minh nhân dân không phải là hình dấu đóng trực tiếp; Mẫu phôi chứng minh nhân dân so với mẫu phôi do Phòng PC06 Công an tỉnh H cung cấp không cùng loại.

- *Tại bản kết luận số 251 ngày 16/02/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh H kết luận:* Chữ viết “Ngô Thanh T2” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” (ký và ghi rõ họ tên)” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 (Hợp đồng đặc cọc) so với chữ viết của Nguyễn Thị N trên mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người viết ra.

- *Tại bản kết luận giám định số 995 ngày 11/11/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh H kết luận:* 90 tờ tiền nước ngoài, mỗi tờ mệnh giá 1000 Tân Đài tệ và 20 tờ tiền nước ngoài, mỗi tờ có mệnh giá 100 USD (Đô la Mỹ) gửi đến giám định là tiền thật.

*** Vật chứng, đồ vật, tài liệu đã thu giữ, xử lý:**

- + 01 túi xách bằng da màu nâu;
- + 01 sổ ghi chép có bìa màu xanh, hai mặt có hình và chữ nước ngoài; + 01 túi xách bằng da màu nâu;
- + 01 sổ ghi chép có bìa màu xanh, hai mặt có hình và chữ nước ngoài;
- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno6 màu xanh;
- + 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa Ngô Thanh T2 và Bùi Văn V2;
- + 01 giấy chứng minh nhân dân số 023118412 mang tên Ngô Thanh T2 (sinh ngày 16/6/1985, nơi đăng ký HKTT: H, C, thành phố Hồ Chí Minh); cấp ngày 24/04/2015, nơi cấp: Công an thành phố T5;
- + 90 tờ tiền nước ngoài, mỗi tờ mệnh giá 1000 Tân Đài tệ;
- + 20 tờ tiền nước ngoài, mỗi tờ mệnh giá 100 USD;
- + 190.190.000 đồng (trong đó 120.000.000 đồng tiền cọc của anh V2 đưa cho N bị thu giữ khi lập biên bản sự việc; 20.190.000 đồng thu giữ của bị can Nguyễn Thị N; ngoài ra thu giữ 50.000.000 đồng do người nhà bị cáo giao nộp để bồi thường cho các bị hại).

Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Bùi Văn V2 120.000.000 đồng; Chuyển cơ quan THADS để xử lý theo quy định của pháp luật các vật chứng gồm:

- + 01 túi xách bằng da màu nâu;
- + 01 sổ ghi chép có bìa màu xanh, hai mặt có hình và chữ nước ngoài;
- + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno6 màu xanh;
- + 90 tờ tiền nước ngoài, mỗi tờ mệnh giá 1000 Tân Đài tệ;
- + 20 tờ tiền nước ngoài, mỗi tờ mệnh giá 100 USD (*Theo biên bản giao nhận ngày 28/3/2023*).

+ 70.190.000 đồng gồm 20.190.000 đồng thu giữ của bị cáo và 50.000.000 đồng người nhà bị cáo giao nộp để bồi thường (*Theo Ủy nhiệm chỉ số 77 ngày 31/3/2023 của Công an tỉnh H*).

Các vật chứng còn lại được lưu theo hồ sơ vụ án.

***Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra bị cáo đã nhờ người nhà nộp 50.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra để bồi thường các bị hại và trực tiếp bồi thường cho anh Nguyễn Văn L 70.000.000 đồng, anh Lê Văn B 50.000.000 đồng. Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại mà bị cáo chưa bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 26/CT-VKS-P2, ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Nhiên về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g, khoản 1 điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS; Các điều 584, 585, 586, 589 BLDS; Điều 106; Điều 136; Điều 331, Điều 333 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (Mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2023 bị cáo Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 29 và 30/6/2023, người bị hại là anh Nguyễn Văn L, anh Lê Văn B có đơn kháng cáo Đề nghị Tòa án xem xét giao số tiền Cơ quan thi hành án đang tạm giữ của bị cáo để trả cho bị hại. Xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Ngày 5/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có kháng nghị số 23/QĐ-VKS-P2, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì bị cáo thấy cấp sơ thẩm xử nặng.

Những người đại diện hợp pháp của người bị hại giữ nguyên kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

Bị cáo và Luật sư trình bày đã cố gắng bồi thường cho người bị hại, sẽ tiếp tục bồi thường cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã bồi thường vượt quá phần nhận được. Bị cáo có vai trò giúp sức, tổng số tiền bị cáo và H1 chiếm đoạt chỉ vừa qua ngưỡng để áp dụng khung hình phạt theo khoản 4 Điều 174 BLHS. Cả hai người đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: giữ nguyên kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét giao số tiền Cơ quan thi hành án đang tạm giữ của bị cáo để trả cho bị hại. Xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tiến hành tố tụng đã tuân theo pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành pháp luật.

- Sau khi phân tích, đánh giá nguyên nhân, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị N bị xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã cố gắng bồi thường vượt quá phần bị cáo được hưởng. Bị cáo có vai trò thứ yếu, phạm tội lần đầu, bị cáo là con vợ liệt sĩ, bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng, bố để tham gia quân đội được hưởng trợ cấp một lần đối với đối tượng trực tiếp tham kháng chiến chống Mỹ và được hưởng trợ cấp một lần đối với đại diện thân nhân hoặc thờ cúng bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Giai đoạn xét xử phúc thẩm, tòa bị cáo đã nhờ gia đình nộp thêm 20 triệu đồng để bồi thường cho người bị hại. Do đó có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 BLTTHS, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS; Điều 174 BLHS, giảm nhẹ cho bị cáo, mức hình phạt còn lại 8 đến 9 năm tù. Cộng với hình phạt 3 năm tù của tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Khoản 3 Điều 341 BLHS. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành chung cho 2 tội từ 11 đến 12 năm tù. Các bị hại có quyền làm đơn thi hành án để nhận lại tiền bồi thường và tiếp tục yêu cầu bị cáo trả số tiền còn thiếu. Bị cáo có quyền yêu cầu Trần Bá H1 trả lại bị cáo số tiền H1 đã chiếm đoạt của các bị hại mà bị cáo đã bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, cấp sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ

sơ. Do đó đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 04/7/2022 đến ngày 06/07/2022, Nguyễn Thị N giúp sức cho Trần Bá H1 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. N sử dụng Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Ngô Thanh T2 có ảnh dán trên chứng minh nhân dân là của N, do H1 đã làm trước đó; sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Phan Văn N1, Ngô Thanh T2 và đưa ra thông tin gian dối về việc mua bán đất, yêu cầu người mua đất giao nộp tiền đặt cọc để lừa đảo chiếm đoạt tiền của 03 bị hại trên địa bàn huyện K, C, Hà Tĩnh (Gồm anh Nguyễn Văn L: 300.000.000 đồng, anh Lê Văn B: 200.000.000 đồng và anh Bùi Văn V2: 120.000.000 đồng). Khi N đang thực hiện hành vi lừa đảo và nhận 120.000.000 đồng của anh V2 tại quán cà phê L1 thị trấn N, huyện C, Hà Tĩnh thì bị bắt quả tang. Cơ quan công an thu giữ số tiền trên, giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Ngô Thanh T2 và các vật chứng, tài sản liên quan. Trần Bá H1 không có mặt tại điểm giao nhận tiền đã bỏ trốn.

Nguyễn Thị N nhận được số tiền thu lợi bất chính do H1 chia là 108.000.000 đồng. Tuy nhiên bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền chiếm đoạt là 620.000.000 đồng do giúp sức cho H1. Bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS là có căn cứ. Bị cáo đã gửi ảnh cho H1, để H1 làm giả chứng minh thư tên T2. Sau đó bị cáo dùng chứng minh thư giả và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo nên đã phạm vào điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS. Như vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[2] Về tình tiết mới để xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo các hành vi phạm tội của mình, nhận thức rõ sai phạm, đề nghị được tiếp tục bồi thường nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản Điều 51 BLHS. Bố đẻ bị cáo tham gia quân đội được hưởng trợ cấp một lần đối với đối tượng trực tiếp tham kháng chiến chống Mỹ và được hưởng trợ cấp một lần đối với đại diện thân nhân hoặc thờ cúng bà mẹ Việt Nam Anh hùng, mẹ của bị cáo là vợ liệt sĩ; bà nội của bị cáo là Mẹ Việt

Nam Anh hùng nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thị N đã bồi thường được 190.000.000 đồng và trong số tiền cơ quan thi hành án còn giữ của bị cáo 90 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 1000 Tân Đài tệ, 20 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 100 USD (khoảng 120 triệu đồng). 70.190.000đ tiền Việt Nam. Giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã tác động gia đình nộp cơ quan thi hành án thêm 20.000.000đ để khắc phục hậu quả. Bị cáo tự nguyện bồi thường nốt toàn bộ số tiền lại của bị cáo hiện đang được lưu giữ tại cơ quan thi hành án. Nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tự nguyện bồi thường thiệt hại tại điểm b, khoản 1 Điều 51 BLHS. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Thị N có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS cho bị cáo hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, ở đầu khung hình phạt liền kề như đề nghị của Viện kiểm sát.

[3] *Về kháng cáo của người bị hại:* Ngoài yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo. Người bị hại còn đề nghị Tòa án giao số tiền Cơ quan thi hành án đang tạm giữ của bị cáo để trả cho bị hại. Xét thấy yêu cầu này của các bị hại là chính đáng. Số tiền thu giữ từ bị cáo N gồm: 90 tờ tiền nước ngoài, mỗi tờ mệnh giá 1000 Tân Đài tệ; 20 tờ tiền nước ngoài, mỗi tờ mệnh giá 100 USD; 20.190.000 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam. Tại phiên toà bị cáo nộp biên lai nộp thêm 20.000.000đ để khắc phục hậu quả. Toàn bộ số tiền này cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Sau khi thực hiện xong các nghĩa vụ án phí, số tiền này sẽ bồi thường cho người bị hại. Chấp nhận đề nghị của người bị hại về việc người bị hại có quyền làm đơn gửi tới cơ quan thi hành án để nhận tiền bồi thường này.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo không có kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5] *Về án phí:* do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị N, kháng cáo của người bị hại, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2023/HS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, như sau:

Căn cứ căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g, khoản 1 điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38; khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N tên gọi khác: **J1** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 7 (B1) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (M) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2022.

[2] Về yêu cầu bồi thường của người bị hại: Chấp nhận đề nghị của người bị hại về việc người bị hại có quyền làm đơn gửi tới Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để nhận tiền bồi thường.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án phí và bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn L và Lê Văn B đối với số tiền thu giữ từ bị cáo N gồm: 90 tờ tiền nước ngoài, mỗi tờ mệnh giá 1000 Tân Đài tệ; 20 tờ tiền nước ngoài, mỗi tờ mệnh giá 100 USD; 70.190.000 đồng tiền Ngân hàng V8; 20.000.000đ tiền Ngân hàng V8. Theo biên bản giao nhận vật chứng số 33/2023 lập ngày 28/3/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh và Ủy nhiệm chi số 77 ngày 31/3/2023 của Công an tỉnh H chuyển số tiền liên quan đến vụ án đã thu giữ cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh số tài khoản 3949.0.1055068 tại Kho bạc nhà nước tỉnh H. Và Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 882 ngày 17/10/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo không có kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị N, người bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo (qua TTG);
- Những người tham gia tố tụng khác (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Tiến